

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Loan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị Mai Th, sinh năm 1996*

HKTT: Số 27/2, khu 4, ấp T, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ 50, thôn T, xã B, huyện Ch, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: *Anh Phan Văn S, sinh năm 1992*

Địa chỉ: Số 27/2, khu 4, ấp T, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai
(Chị Th, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị Mai Th trình bày: Chị và anh Phan Văn S tự nguyện kết hôn, được UBND xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2015. Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Phan Hữu T, sinh ngày: 29/10/2015 và cháu Phan Phú T1, sinh ngày 28/11/2017. Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh S vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi vã chửi bới nhau. Bản thân anh S không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên đi chơi, nhậu nhẹt với bạn bè. Chị đã nhiều lần góp ý nhưng anh S vẫn không chịu thay đổi. Từ khoảng hai năm nay, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Chị và cháu

T1 đã dọn về nhà cha mẹ ruột tại tổ 50, thôn Tân Hưng, xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống còn anh S và cháu T vẫn sống tại số 27/2, khu 4, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm. Chị xác định không còn tình cảm với anh S, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh S. Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Phú T1, sinh ngày 28/11/2017 và giao cháu Phan Hữu T, sinh ngày: 29/10/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn Phan Văn S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị Mai Th được ly hôn với anh Phan Văn S. Giao con chung tên Phan Phú T1, sinh ngày 28/11/2017 cho Chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Phan Hữu T, sinh ngày: 29/10/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị Mai Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phan Văn S vắng mặt không có lý do nhưng tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, căn cứ quy định tại căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Quan hệ giữa Chị Th và anh Sang là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì anh chị lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Chị Th xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, chung sống không hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần hòa giải, thuyết phục chị đoàn tụ nhưng chị kiên quyết ly hôn. Anh S cũng không đến Tòa án để hòa giải thể hiện anh không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Chị Th và anh S trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho Chị Th được ly hôn với anh S.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có hai con chung tên Phan Hữu T, sinh ngày: 29/10/2015 và cháu Phan Phú T1, sinh ngày 28/11/2017. Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 và giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th trình bày cháu T1 đang sống với chị, cháu T đang sống với anh S. Do anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu về con chung của Chị Th nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị Th về việc nuôi con. Giao cho Chị Th được trực

tiếp nuôi cháu Phan Phú T1, sinh ngày 28/11/2017 và giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Hữu T, sinh ngày: 29/10/2015. Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai Th. Chị Nguyễn Thị Mai Th được ly hôn với anh Phan Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mai Th được trực tiếp nuôi cháu Phan Phú T1, sinh ngày 28/11/2017; Giao cho anh Phan Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Hữu T, sinh ngày: 29/10/2015. Tạm thời, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia. Không ai được cản trở quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, khi điều kiện thay đổi, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Mai Th đã nộp theo biên lai thu số: 0007159, ngày 05/5/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom qua nộp án phí ly hôn. Chị Th đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đồi Bàu Hàm, huyện Trảng Bom (GCNĐKKH số 56, quyền 01 năm 2015);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Loan

